

Số: 1122/XMST-KHCL
V/v: Mời chào giá cạnh tranh
gói mua sắm Dịch vụ bảo dưỡng, sửa
chữa thiết bị cơ khí đợt II/2020

Phủ Thọ, ngày 24 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Các Nhà cung cấp tham gia chào giá

Gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua sắm gói: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020 (Ký hiệu XMST/2020/DVSCĐII). Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm nêu trên. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá cạnh tranh theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá vào **hồi 10h00', ngày 08/12/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào **hồi 10h15', ngày 08/12/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Cúc: 0967. 389.681.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Tên gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020

(Ký hiệu: XMST/2020/DVSC ĐII)

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phủ Thọ, tháng 11/2020



h

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2020/DVSCĐII
Tên gói mua sắm:	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020
Phát hành ngày	24/11/2020

Phòng KHCL



Bùi Thu Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh thông thường gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020 (ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐII).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2020 và năm 2021.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện công việc: 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp;
3. Bảo đảm dự chào giá theo Mẫu số 04A Chương III – Biểu mẫu
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05A Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng phân tích đơn giá chi tiết – Mẫu số 05B - Chương III – Biểu mẫu;
6. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu
7. Hợp đồng tương tự chứng minh năng lực và kinh nghiệm - Mẫu số 09;
8. Danh mục Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ - Theo mẫu số 10.
9. Biện pháp thi công chi tiết tháo dỡ, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị chủ yếu;
10. Dự thảo hợp đồng điền đầy đủ thông tin theo mẫu số 04.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả

các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá:

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá trước thời điểm đóng thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc (*nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*) hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

+ Giá trị bảo đảm dự chào giá là 40.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*);

+ Hình thức nộp bảo đảm chào giá: Tiền mặt, chuyển khoản hoặc Thư bảo đảm dự chào giá do một Tổ chức tín dụng trong nước phát hành.

+ Thời hạn bảo lãnh dự chào giá là 70 ngày, kể từ ngày đóng thư chào giá.

+ Thời điểm nộp bảo đảm dự chào giá: Nhà cung cấp phải nộp bảo đảm dự chào giá (tiền mặt, chuyển khoản, Thư bảo đảm do Tổ chức tín dụng phát hành) đến cho Bên mời chào giá đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm đóng Thư chào giá được quy định tại Thư mời chào giá này.

Trường hợp Nhà cung cấp sử dụng hình thức chuyển khoản: Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, số tài khoản: 118 600 399 566 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Phú Thọ. Nội dung chuyển khoản: Chuyển tiền bảo đảm dự chào giá gói mua sắm :.....(ghi tên gói mua sắm mà Nhà cung cấp tham dự chào giá).

Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp độc lập hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự chào giá.

2. Bảo đảm dự chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 1 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

3. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá thực hiện theo quy định như sau:

Bên mời chào giá có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá cho nhà cung cấp không được lựa chọn trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt. Đối với nhà cung cấp được lựa chọn, bảo đảm dự chào giá được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà cung cấp đã ký Hợp đồng với Bên mời chào giá và đã triển khai thực hiện công việc gói mua sắm.

- Bảo đảm dự chào giá không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

+ Nhà cung cấp rút hồ sơ dự chào giá sau thời điểm đóng Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự chào giá;

+ Nhà cung cấp vi phạm các quy định của Thư mời chào giá dẫn đến phải hủy gói mua sắm theo quy định;

+ Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Nhà cung cấp đã ký Hợp đồng nhưng không triển khai thực hiện công việc sửa chữa theo nội dung của Hợp đồng Hai Bên đã ký;

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** và **01 bản chụp** Thư chào giá. Thư chào giá phải được đóng thành quyển, bên ngoài trang bìa ghi là “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ” (đối với bản gốc), hoặc “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ” (đối với bản chụp).

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN

GỐC THƯ CHÀO GIÁ.SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế: Tất cả bản gốc, bản chụp của Thư chào giá của nhà cung cấp phải được và chỉ đựng trong 01 (một) túi đựng. Túi đựng Thư chào giá phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá, thời điểm mở Thư chào giá và địa chỉ nhận Thư chào giá nêu tại Khoản 1 – Mục 11 dưới đây. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

Trường hợp Nhà cung cấp không niêm phong, không ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào và thời điểm mở Thư chào giá theo quy định hoặc không ghi địa chỉ nhận Thư chào giá dẫn đến Thư chào giá của Nhà cung cấp không được bảo mật thông tin, hoặc không được tiếp nhận và mở thư chào giá đúng thời gian quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà cung cấp thì Bên mời chào giá hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm với Nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá: Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao: xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ và phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá là: **hồi 10 giờ 00' ngày 08/12/2020.**

Bên mời chào giá sẽ không chịu trách nhiệm đối với các Thư chào giá gửi không đúng địa chỉ nêu trên.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá, cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản

thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 - Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **10 giờ 15' ngày 08/12/2020**.
2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp: Không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau

dây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá đánh giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax: 02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Cúc (SĐT: 0967.389.681).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp (*không áp dụng*);

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
2.1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
2.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự	- Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, Nhà cung cấp phải có ít nhất 02 hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí trong đó có sửa chữa hạng mục máy nghiền đứng; thay thế ghi nhà lạnh, ống lồng và lọc bụi tĩnh điện có qui mô tương đương với gói mua sắm này.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05

2.5. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCDG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

3.1. Biện pháp thi công:

STT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Nhà cung cấp phải lập Biện pháp thi công chi tiết đảm bảo tiến độ,	Biện pháp thi	Biện pháp thi

	chất lượng; an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường. Cụ thể: + Biện pháp thi công chi tiết cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa những thiết bị chính trong đợt sửa chữa, gồm: - Thay ru lô liên giảm tốc băng tải Xưởng Liệu; - Thay vỏ con lăn M máy nghiền than; - Thay ống lồng C2; - Thay thế hệ thống ghi 2 – Xưởng Clinker; - Thay vòng bi cụm bánh răng chủ động (pinion); - Sửa chữa lọc bụi tĩnh điện 12/16.19; - Sửa chữa gầu nâng 15a.17 và gầu 15C.06; + Tiến độ thi công chi tiết cho các hạng mục công việc (có biểu đồ huy động nhân lực kèm theo); + Danh mục máy móc thiết bị và nhân lực Nhà cung cấp sẽ huy động phục vụ công việc (nêu rõ tên máy móc thiết bị, số lượng, công suất, tình trạng máy móc thiết bị; số lượng cán bộ công nhân, loại thợ, bậc thợ...). + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. + Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công nhằm đáp ứng thời gian phải hoàn thành công việc theo yêu cầu của Bên mời chào giá; + Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình. Bên mời chào giá sẽ xem xét, đánh giá tính phù hợp, khả thi trong Biện pháp thi công do Nhà cung cấp lập trong Thư chào giá khi xem xét đánh giá Thư chào giá theo tiêu chí đánh giá đạt/không đạt.	công được đánh giá là đạt khi: có Biện pháp thi công hợp lý, có Biện pháp thi công chi tiết cho thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị chính, huy động đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công, sử dụng thiết bị thi công phù hợp cho công việc	công được đánh giá không đạt khi: Biện pháp thi công không hợp lý, không có Biện pháp thi công chi tiết cho thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị chính, không huy động đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công, sử dụng thiết bị thi công phù hợp cho công việc.
--	--	---	--

3.2. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	Yêu cầu kỹ thuật:		
1	Thực hiện công việc tháo dỡ, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị phải đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị	Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu	Không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu
2	Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam: + TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản. + TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản. + TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu; + TCXD 187: 1996 - Khớp nối trục - Sai số lắp đặt. + TCXD 181:1996 - Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt; + TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt; + TCXD 207: 1998 – Lọc bụi tĩnh điện – sai số lắp đặt; + TCXD: 180: 1996 – Máy nghiền nguyên liệu – sai số lắp đặt.		

3	Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật: + Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt đủ lực xiết; + Các mối liên kết bằng hàn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật		
4	Các thiết bị sau khi sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay thế được đưa vào chạy thử không tải và chạy thử có tải trong 72 giờ. Sau khi chạy thử không tải và có tải thiết bị phải làm việc ổn định, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế		
II	Điều kiện nghiệm thu		
	Việc nghiệm thu được thực hiện theo 3 bước:		
1	Nghiệm thu lắp đặt tĩnh: Khi Bên B hoàn thành các công việc, thiết bị đã được sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu tĩnh cho phép tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải thiết bị theo qui trình	Cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra	Không cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra
2	Nghiệm thu chạy thử không tải và chạy có tải: Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu tĩnh, Hai Bên tiến hành chạy thử không tải và chạy có tải thiết bị theo qui trình. Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy có tải		
3	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: Sau khi thiết bị đưa vào chạy thử có tải đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc bàn giao đưa vào sử dụng		
	Với mỗi bước nghiệm thu, Bên A sẽ từ chối nghiệm thu nếu qua kiểm tra, đánh giá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khi đó, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu		
III	Tiến độ thực hiện: + Thời điểm thực hiện: Theo kế hoạch sửa chữa lớn của Bên A. Dự kiến thực hiện vào cuối tháng 02 - đầu tháng 03 năm 2021. Tùy tình hình sản xuất, Bên A sẽ quyết định thời điểm tiến hành thực hiện sửa chữa vào một thời gian thích hợp trong Quý I năm 2021. Trong bất cứ điều kiện nào, Bên B phải đáp ứng tiến hành thực hiện công việc sửa chữa vào thời điểm mà Bên A yêu cầu. + Thời gian thực hiện công việc của gói mua sắm yêu cầu không quá 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành công việc theo kế hoạch sửa chữa của Bên A. Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 05 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị.	Cam kết thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu. Thời gian thực hiện: không quá 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc.	Không cam kết thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu. Thời gian thực hiện: dài quá 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng

phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.

5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá..

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: ____ [*Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào giá*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*Ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số: ____ [*Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá*]

Bên bảo lãnh: ____ [*Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] thuộc Phương án mua sắm ____ [*Ghi tên PAMS*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói mua sắm này bằng một khoản tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư chào giá;
2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào giá: Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào giá: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự chào giá là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	PHẦN KHỐI LƯỢNG XUỐNG LIỆU				
I	Thay ru lô liên hộp giảm tốc bằng tải máy rải 06/18.02 (cốt 9m)				
1	Tháo ru lô bị động, phanh	Công	4		
2	Tháo khớp nối	Công	1		
3	Tháo động cơ	Tấn	0,185		
4	Tháo ru lô liên hộp giảm tốc xuống cốt 0.00m	Tấn	0,83		
5	Tháo gối đỡ + vòng bi (Mã vòng bi 23024CA)	Tấn	0,04		
6	Lắp gối đỡ + vòng bi	Tấn	0,04		
7	Lắp ru lô liên hộp giảm tốc	Tấn	0,83		
8	Lắp khớp nối	Công	1		
9	Lắp động cơ	Tấn	0,185		
10	Lắp ru lô bị động, phanh	Công	4		
11	Cân chỉnh hệ thống + chạy thử (tính chi phí trong lắp đặt các thiết bị nêu trên)				
II	Thay ru lô liên hộp giảm tốc bằng tải máy rải 06/18.03 (cốt 5,5m)				
1	Tháo dây cáp fi 22	m	150		
2	Tháo cụm động cơ cấp nhanh, chậm, khớp nối	Tấn	0,4		
3	Tháo hộp giảm tốc	Tấn	0,7		
4	Tháo tang cuốn cáp	Tấn	0,63		
5	Lắp tang cuốn cáp	Tấn	0,63		
6	Lắp hộp giảm tốc	Tấn	0,7		
7	Lắp cụm động cơ cấp nhanh, chậm, khớp nối	Tấn	0,4		
8	Lắp dây cáp fi 22	m	150		
9	Cân chỉnh hệ thống + chạy thử (chi phí tính trong lắp đặt các thiết bị nêu trên)				
	PHẦN KHỐI LƯỢNG XUỐNG CLINKER				
A	HỆ THỐNG MÁY NGHIỀN THAN LM23.2D				
I	Thay vỏ con lăn M1+M2, thay vòng bi + phốt làm kín cổ trục con lăn M1 + Thay mới côn ép cánh tay đòn con lăn, cổ trục con lăn M1				
1	Chi phí thuê cầu phục vụ việc tháo + lắp thay thế con lăn M1, M2; thay vòng bi con lăn + phốt làm kín cổ trục con lăn M1 (tính chi phí trong lắp các thiết bị dưới đây)				
2	Cắt tháo lan can, sàn thao tác trên cốt 3,4m phục vụ cho việc thay 02 vỏ con lăn M1, M2; thay vòng bi con lăn + phốt làm kín cổ trục con lăn M1	tấn	1,0		
3	Tháo đường ống khí + đường ống dầu, ống khí trên 02 con lăn M1 + M2 Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
4	Tháo chi tiết côn ép cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 2 công/con lăn	công	4,0		
5	Tháo bao che bảo vệ con lăn M1+M2 khối lượng: 0,4 tấn/con lăn	tấn	0,8		
6	Tháo bulong ép côn trên trục cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 02 công/con lăn	công	4,0		
7	Tháo phần vỏ máy nghiền vị trí 02 con lăn M (bao gồm: tháo cửa vỏ nghiền, bulong, và gioăng con lăn M) Độ cao trung bình: 04 m	tấn	3,8		

	Bao gồm: 1, chi tiết COVER, CPL: 1,8 tấn/bộ 2, Chi tiết Bulong M20 : 76 bộ Dự kiến: 1,9 tấn/con lăn				
8	Lắp xi lanh thủy lực + chốt phục vụ ngựa 02 con lăn M ra ngoài Dự kiến: 0,8 tấn/con lăn (Thiết bị Bên A cấp)	tấn	1,6		
9	Ngựa 02 con lăn M ra phía ngoài Dự kiến: 1,5 công/con lăn	công	3,0		
10	Lắp + tháo giáo phục vụ việc thao tác trên độ cao 3,6m Dự kiến: 04/con lăn	100m2	0,08		
11	Tháo gu rông, vành kẹp quả lô cao 3,6 m gồm: 12 bu lông M56x700/con lăn + vành kẹp quả lô: 305 kg Dự kiến: 450 kg/bộ	tấn	0,9		
12	Gia công tăng cứng bộ kích để tiến hành kích 02 vỏ con lăn M (Sắt thép Bên A cấp) Dự kiến: Gia công 02 bộ khối lượng 0,5 tấn/bộ	tấn	1,0		
13	Tháo 02 vỏ con lăn M từ cao độ: 3,6m nhắc xuống đất Khối lượng: 4 tấn/vỏ con lăn	tấn	8,0		
14	Tháo bu lông + mặt bích ép ca ngoài và ca trong vòng bi con lăn M1 + M2 M1 phục vụ việc thay thế, M2 phục vụ việc vệ sinh vòng bi dẫn động	tấn	0,4		
15	Kích nổi vòng vi con lăn M1	công	4,0		
16	Tháo nhắc toàn bộ phần HUB của con lăn M1 xuống đất phục vụ việc thay thế gioăng làm kín cổ trục con lăn M1 (Bao gồm khối lượng HUB, vòng bi dẫn động con lăn)	tấn	5,4		
17	Gia công bộ kích phục vụ việc kích tháo cao trong và ca ngoài vòng bi tang trống con lăn M1	tấn	0,8		
18	Tháo vòng bi tang trống con lăn M1 để thay thế	tấn	0,3		
19	Tháo chi tiết ống đỡ ca trong + ca ngoài, ống trụ đỡ khoảng cách vòng bi dẫn động con lăn M1	tấn	0,4		
20	Tháo bộ gioăng làm kín cổ trục con lăn M1	bộ	1,0		
21	Vệ sinh tổng thể phần trục, vòng bi dẫn động và moay ơ lắp ghép con lăn M1+M2 và vị trí lắp gioăng con lăn M1	công	8,0		
22	Thay thế + căn chỉnh lắp đặt bộ gioăng làm kín cổ trục con lăn M1	bộ	1,0		
23	Lắp đặt toàn bộ phần HUB của con lăn M1 (Bao gồm khối lượng HUB, vòng bi dẫn động con lăn)	tấn	5,4		
24	Lắp chi tiết ống đỡ ca trong + ca ngoài, ống trụ đỡ khoảng cách vòng bi dẫn động con lăn M1	tấn	0,4		
25	Thay thế + căn chỉnh vòng bi tang trống dẫn động con lăn M1 mới	tấn	0,297		
26	Lắp bu lông + mặt bích ép ca ngoài và ca trong vòng bi con lăn M1 + M2 M1 phục vụ việc thay thế, M2 phục vụ việc vệ sinh vòng bi dẫn động	tấn	0,4		
27	Vệ sinh bề mặt tiếp xúc giữa vỏ con lăn và moay ơ Dự kiến: 06 công/con lăn	công	2,0		
28	Mài rà tiếp xúc con lăn mới và moay ơ	công	10,0		
29	Lắp mới 02 vỏ con lăn M từ cao độ 0m lên cao độ 3,6m Khối lượng: 4,5 tấn/vỏ	tấn	9,0		
30	Lắp gu rông, vành kẹp quả lô cao 3,6 m gồm: 12 bu lông M56x700/con lăn; vành kẹp quả lô 305kg/con lăn	tấn	0,9		

31	Siết, kiểm tra lực bu lông ép 04 vỏ con lăn. Dự kiến: 05 công/con lăn	công	10,0		
32	Gia công và lắp mới bộ ống chụp bảo vệ bu lông	công	5,0		
33	Gia công bộ côn che bảo vệ con lăn M1	bộ	1,0		
34	Lắp bao che bảo vệ con lăn M1+M2 khối lượng: 0,8 tấn/con lăn	tấn	1,6		
35	Đẩy 02 con lăn M vào vị trí Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
36	Lắp phần vỏ máy nghiền vị trí 02 con lăn M (bao gồm: tháo cửa vỏ nghiền, bulong, và gioăng con lăn M) Độ cao trung bình: 04 m Bao gồm: 1, chỉ tiết COVER,CPL: 1,8 tấn/bộ 2, Chỉ tiết Bulong M20 : 76 bộ Dự kiến: 1.9 tấn/con lăn	tấn	3,8		
37	Lắp bulong ép côn trên trục cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 02 công/con lăn bao gồm cả côn ép mới thay thế và cũ	công	4,0		
38	Lắp chỉ tiết côn ép cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 3 công/con lăn	công	6,0		
39	Lắp đường ống khí + đường ống dầu, ống khí trên 02 con lăn M Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
40	Lắp lan can, sàn thao tác trên cột 3,4m phục vụ cho việc thay 02 vỏ con lăn M - máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 0,5 tấn/con lăn	tấn	1,0		
II	Thay mới bu lông cánh tay đòn con lăn M				
1	Tháo bu lông M42 cũ	bộ	20,0		
2	Taro lại các bu lông bị hỏng ren	công	8,0		
3	Lắp bu lông M42 mới (Bu lông A cấp)	bộ	20,0		
III	Thay gioăng nâng hạ con lăn M				
1	Tháo cửa, tháo đường ống bơm dầu	công	5,0		
2	Tháo cụm xi lanh đưa xuống đất	tấn	1,5		
3	Tháo vệ sinh, bảo dưỡng xi lanh (yêu cầu thực hiện tại mặt bằng Nhà máy Bên A)	công	15,0		
4	Thay phớt chắn dầu xi lanh	bộ	2,0		
5	Lắp cụm xi lanh	tấn	1,5		
6	Bảo dưỡng gối đỡ xi lanh	công	10,0		
7	Lắp lại đường ống bơm dầu, cửa	công	5,0		
B	HỆ THỐNG LỒ LUNG 15B.01				
I	Đường ống gió 3 - 15b.03 (Đường kính ~2.300mm)				
1	Chi phí thuê cầu phục vụ việc tháo + lắp thay thế 01 khớp giãn nở, gia công bổ sung 01 khớp giãn nở mới và thực hiện lắp đặt trụ gia công mới theo đề xuất số: /BCDX – KT&NCTK - CLK (cầu 25 tấn)	ca	1,5		
2	Bắc giáo phục vụ việc kiểm tra, gia cố lại toàn bộ hệ thống thang răng trụ đỡ chính số 01	100m2	1,5		
3	Gia cố lại toàn bộ hệ thống thang răng trụ đỡ chính số 01	công	10,0		
4	Đục bê tông mép sàn nhà ghi và bê tông tại vị trí lắp khớp giãn nở mới bổ sung (máy đục bê tông Bên B cấp)	m3	0,8		
5	Gia công mới thay thế trụ đỡ phụ số 01 cạnh phía kiln hood có kích thước lớn hơn thay thế cho trụ đỡ đã bị hỏng (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)	tấn	2,5		
6	Gia công mới bổ sung thêm hệ thống dầm chống	tấn	5,0		

	chéo từ phía dầm chính nhà ghi làm nguội lên tới trụ đỡ chính số 1 (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)				
7	Kích nắn lại 1 phần trụ đỡ chính số 1 về trạng thái ban đầu.	tấn	20,0		
8	Lắp đặt trụ đỡ phụ số 01 cạnh phía kiln hood có kích thước lớn hơn thay thế cho trụ đỡ đã bị hỏng.	tấn	2,5		
9	Lắp đặt bổ sung thêm hệ thống dầm chống chéo từ phía dầm chính nhà ghi làm nguội lên tới trụ đỡ chính số 1	tấn	5,0		
10	Thay mới khớp giãn nở số 2 tại vị trí cốt 20,5m	bộ	1,0		
11	Lắp bổ sung khớp giãn nở số 1 tại vị trí cốt 11,5m	bộ	1,0		
12	Gia công đoạn ống gió C3 bù khe hở khi lắp khớp giãn nở số 2 tại vị trí cốt 20,5m (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)	tấn	1,1		
II	Thay thế ống lồng C2				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ tháo dỡ và lắp đặt ống lồng C5, độ cao giàn giáo ≤16m	100m2	4,0		
2	Đục bê tông tháo phần ống bảo vệ bu lông	công	6,0		
3	Tháo dỡ ống lồng C2 cũ	Tấn	5,2		
4	Vận chuyển ống lồng C2 vừa tháo dỡ từ vị trí tháo dỡ xuống mặt đất bằng tời điện 5T	Tấn	5,2		
5	Vận chuyển ống lồng C2 mới từ chân công trình lên sàn lắp ống bằng tời điện 5T	Tấn	6,5		
6	Lắp đặt ống lồng C2 mới (Que hàn INOX, bu lông lắp ghép, tời điện do Bên A cấp)	Tấn	6,5		
III	Ghi làm nguội Clinker số 2				
1	Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cốt +3.0m)	tấn	7,08		
2	Lắp các tấm ghi (bao gồm cả tấm ghi mới và các tấm cũ dùng lại nhưng phải tháo ra để căn chỉnh)	tấn	8,86		
3	Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 2	tấn	0,05		
4	Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06		
6	Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2		
7	Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái)	tấn	0,05		
8	Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái)	tấn	0,05		
9	Tháo ray tỳ dầm động (6 cái)	tấn	0,11		
10	Lắp ray tỳ dầm động (6 cái)	tấn	0,11		
11	Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,44		
12	Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,44		
13	Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh	tấn	2,85		
14	Lắp trục bị động dàn ghi số 2	tấn	2,85		
15	Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2		
16	Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tấn	0,3		
17	Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tấn	0,3		
18	Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06		
19	Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 2	tấn	0,05		
20	Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn)	tấn	0,74		
21	Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	4		
22	Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	8		
23	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6	tấn	0,74		

	con lăn)				
24	Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tấn	0,1		
25	Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động	vòng	4		
26	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tấn	0,1		
27	Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2	tấn	0,76		
28	Tháo các dầm ngang, dầm dọc bị biến dạng, nứt và cong vênh không đảm bảo	tấn	1,50		
29	Gia công, lắp đặt dầm ngang, dầm dọc mới (sắt thép bên A cấp)	tấn	1,50		
30	Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động	tấn	0,20		
31	Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở)	công	5		
32	Hàn làm kín khe hở vách ghi	công	5		
33	Làm kín các khoang ghi	công	2		
34	Thực chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5		
IV	Thay tấm lưới gà đầu lò				
1	Tháo các tấm lưới gà cũ	tấn	0,37		
2	Lắp đặt các tấm lưới gà mới	tấn	0,43		
V	Thay vòng bi và tháo cụm bánh răng chủ động (Pinion)				
1	Tháo dầu, vệ sinh bề dầu, vệ sinh khu vực thi công và lấy dầu các vị trí	công	10		
2	Tháo, lắp bao che thiết bị khu vực thi công	tấn	1,5		
3	Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ kích (sắt thép bên A cấp)	tấn	1,5		
4	Lắp đặt kích nâng cố định lò phục vụ tháo cụm bánh răng trục chủ động	bộ	1		
5	Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá đỡ phục vụ tháo lắp cụm bánh răng chủ động (sắt thép bên A cấp)	tấn	1,5		
6	Tháo cụm động cơ, hộp giảm tốc phụ phục vụ thi công tháo lắp cụm bánh răng chủ động	tấn	2,5		
7	Tháo cụm bánh răng chủ động	tấn	11,07		
8	Gia công khung giá đỡ kích tháo khớp nổi (sắt thép bên A cấp)	tấn	0,20		
9	Tháo khớp nổi trục	tấn	1,08		
10	Gia công khung giá đỡ kích phục vụ tháo vòng bi (sắt thép bên A cấp)	tấn	0,3		
11	Tháo 02 vòng bi gối đỡ ra khỏi trục (195kg/vòng)	tấn	0,39		
12	Đánh bóng cổ trục vị trí lắp gioăng làm kín, đầu trục đạt yêu cầu (đánh bóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nhĩ để đánh bóng...)	đầu trục	2		
13	Lắp đặt khớp nổi trục	tấn	1,08		
14	Lắp 02 vòng bi gối đỡ mới (195kg/vòng)	tấn	0,39		
15	Lắp đặt, căn chỉnh cụm bánh răng chủ động vào vị trí	tấn	11,07		
16	Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh (sử dụng bột màu để kiểm tra tiếp xúc vành răng)	bộ	1		
17	Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ kích	tấn	1,5		
18	Căn chỉnh lại động cơ, hộp giảm tốc chính lò	tấn	9,84		
19	Lắp đặt, căn chỉnh cụm động cơ, hộp giảm tốc phụ lò	tấn	2,5		
20	Tháo dỡ sàn thao tác, giá đỡ phục vụ tháo lắp cụm bánh răng chủ động	tấn	1,5		
21	Xiết bu lông liên kết vành răng lớn với lò, kiểm tra thay bu lông vành răng, làm kín hệ thống vành răng lớn, trục bánh răng chủ động	công	10		
22	Thực chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5		
C	Lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 và các khớp giãn nở				

I	Lọc bụi tĩnh điện 12/16.19				
1	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ kho đến chân công trình bằng thủ công (cự ly 90m)	tấn	21,01		
2	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ chân công trình lên cao 20m bằng thủ công	tấn	21,01		
3	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ cốt 20m xuống đất bằng thủ công	tấn	18,06		
4	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ chân công trình về kho bằng thủ công	tấn	18,06		
5	Vệ sinh vị trí sửa chữa	công	15		
6	Lắp, tháo dàn giáo trong phục vụ thi công (Làm việc trong môi trường nồng bụi, phải gia cố giáo để đảm bảo cho người và thiết bị) (chiều cao 15m)	100m2	5		
7	Thay khung treo thanh gai cực phóng:				
	Cắt bỏ khung treo thanh cực phóng bị hỏng (F42)	tấn	0,95		
	Lắp các khung treo cực phóng mới (F42)	tấn	1,12		
8	Thay thanh gai cực phóng				
	Cắt tháo các thanh gai cực phóng cũ	tấn	1,01		
	Lắp các thanh gai cực phóng mới	tấn	1,19		
9	Thay tấm bản cực thu				
	Tháo tấm bản cực thu bị hỏng	tấn	8,39		
	Lắp tấm bản cực thu mới	tấn	9,87		
13	Gia cố lại khung các bản cực thu, cực phóng không thay mới	công	30,00		
14	Thay khung treo giàn búa (trục búa)				
	Tháo khung treo giàn búa cũ (trục búa)	tấn	3,96		
	Lắp khung treo giàn búa mới (trục búa)	tấn	4,66		
15	Thay búa gỗ cực phóng				
	Tháo búa gỗ cực phóng cũ	tấn	1,39		
	Lắp búa gỗ cực phóng mới	tấn	1,54		
15	Thay búa gỗ cực thu				
	Tháo búa gỗ cực thu cũ	tấn	0,66		
	Lắp búa gỗ cực thu mới	tấn	0,73		
16	Thay thanh treo trục búa				
	Tháo thanh treo trục búa gỗ (F25)	tấn	0,14		
	Lắp thanh treo trục búa gỗ (F25)	tấn	0,14		
17	Thay tầng đỡ M24:				
	Tháo tầng đỡ M24	cái	6		
	Lắp tầng đỡ M24	cái	6		
18	Thay sứ búa gỗ (cả tháo và lắp):				
	Tháo sứ búa gỗ	quả	3		
	Lắp sứ búa gỗ	quả	3		
19	Thay giá treo bi tỳ (cả tháo và lắp):				
	Tháo giá treo bi tỳ	tấn	0,06		
	Lắp giá treo bi tỳ	tấn	0,06		
20	Thay vòng bi tỳ 5204 (cả tháo và lắp)				
	Tháo vòng bi tỳ 5204	vòng	12		
	Lắp vòng bi tỳ 5204	vòng	12		
21	Thay giá treo sứ búa gỗ (cả tháo và lắp)				
	Tháo giá treo sứ búa gỗ	tấn	0,3		
	Lắp giá treo sứ búa gỗ	tấn	0,3		
22	Thay con lăn dẫn hướng cơ cấu búa gỗ				
	Tháo con lăn dẫn hướng cũ gồm cả vòng bi	bộ	48		
	Lắp vòng bi cho con lăn dẫn hướng mới	vòng	48		
	Lắp con lăn dẫn hướng mới	bộ	48		
23	Thay vòng bi giảm tốc búa gỗ cực phóng, cực thu, phân gió (11 bộ)				
	Tháo động cơ liên giảm tốc búa gỗ cực phóng, cực thu, chia gió (11 bộ)	tấn	0,66		
	Thay các vòng bi hộp giảm tốc (11 bộ)	vòng	70		
	Lắp đặt, căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc (11 bộ)	tấn	0,66		

24	Thay vòng bi gối trục động cơ, hộp giảm tốc búa gõ cực phóng (cả tháo và lắp mới)	vòng	12		
25	Thay cơ cấu bán nguyệt				
	Tháo cơ cấu bán nguyệt cũ	bộ	6		
	Lắp đặt, căn chỉnh cơ cấu bán nguyệt	bộ	6		
26	Khôi phục các tấm chia gió				
	Tháo các tấm chia gió đã bị rơi kẹt trong lọc bụi và các tấm bị hư hỏng	tấn	2,12		
	Gia công phục hồi các tấm chia gió	tấn	1,06		
	Lắp đặt các tấm chia gió	tấn	2,12		
27	Căn chỉnh khoảng cách các bản cực không thay mới	công	50		
28	Tháo dỡ, thay mới bông bảo ôn, thép bọc bảo ôn phần vỏ lọc bụi bị một thùng và các vị trí không đảm bảo	công	10		
29	Cắt phần tôn vỏ lọc bụi bị một thùng	tấn	1,20		
30	Lắp tôn vỏ lọc bụi mới	tấn	1,40		
31	Trực chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5,00		
II	Khớp giãn nở đầu ra lọc bụi 12/16.19 và khớp trên đường ống đứng đầu vào quạt 12/16.20				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ thay vải và bọc bảo ôn 02 khớp giãn nở (giáo ngoài, chiều cao giáo <25m)	100m ²	4,00		
2	Tháo vải bọc bảo ôn và bông bảo ôn 02 khớp giãn nở	công	5		
3	Thay bảo ôn và bọc vải silicon chịu nhiệt mới lại cho 02 khớp giãn nở	công	15		
D	Gầu 15a.17: Thay cặp bánh răng cấp 1 HGT, động cơ, khớp nối thủy lực (thực hiện tại sàn cốt +46m)				
1	Vệ sinh quanh vị trí đảm bảo an toàn, sạch sẽ trước khi thi công	công	3,00		
2	Vận chuyển động cơ, khớp nối thủy lực từ kho đến chân công trình	tấn	0,35		
3	Vận chuyển động cơ, khớp nối thủy lực từ chân công trình lên sàn (Cốt +46m) trong điều kiện treo leo, mái dốc.	tấn	0,35		
4	Thực hiện kéo, giữ hệ thống gầu xiên 15a.17 chống trôi	tấn	55,71		
5	Tháo chốt khớp nối cứng sang nhông chủ động	công	1,00		
6	Tháo động cơ, khớp nối thủy lực	tấn	0,35		
7	Tháo hộp giảm tốc	tấn	2,13		
8	Tháo cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
9	Tháo trục bánh răng (bao gồm trục, bánh răng, vòng bi) ra khỏi hộp giảm tốc	bộ	5,00		
10	Vệ sinh, kiểm tra toàn bộ bên trong, bên ngoài hộp giảm tốc; vệ sinh, kiểm tra tình trạng các vòng bi, bánh răng truyền động	công	5,00		
11	Lắp đặt vòng bi cho trục bánh răng cấp 1 mới	vòng	2,00		
12	Tháo vòng bi trên trục số 2	vòng	2,00		
13	Tháo bánh răng cấp 1 cũ trên trục số 2	cái	1,00		
14	Lắp đặt bánh răng cấp 1 mới vào trục số 2	cái	1,00		
15	Lắp đặt vòng bi mới cho trục số 2	vòng	2,00		
16	Lắp đặt trục bánh răng (bao gồm trục, bánh răng, vòng bi) vào hộp giảm tốc và căn chỉnh (yêu cầu dùng bột màu thử tiếp xúc giữa các bánh răng)	bộ	5,00		
17	Thay phốt cổ trục đầu vào, đầu ra hộp giảm tốc	cái	2,00		
18	Lắp đặt hộp giảm tốc	tấn	2,13		
19	Lắp đặt cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
20	Lắp đặt khớp nối cứng từ hộp giảm tốc sang khớp thủy lực	bộ	1,00		
21	Lắp đặt động cơ, khớp nối thủy lực	tấn	0,35		

22	Lắp chốt khớp nối cứng sang nhông chủ động	công	1,00		
23	Căn chỉnh hệ thống (Chi phí tính trong lắp thiết bị)				
24	Trực chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5,00		
E	Gầu 15c.06: Tháo tang chủ động và trực đầu vào hộp giảm tốc phục vụ công tác khôi phục (thực hiện trên sàn Cos +92m tháp trao đổi nhiệt)				
1	Vệ sinh quanh vị trí đảm bảo an toàn trước khi thi công	công	2,00		
2	Tháo nắp bao che tang chủ động, bao che khớp nối cứng, khớp nối thủy lực	tấn	1,00		
3	Tháo cơ cấu giữ đối trọng	bộ	1,00		
4	Sử dụng palang kéo giữ hệ thống băng, gầu, cụm tang bị động, đối trọng phục vụ tháo tang chủ động	tấn	13,66		
5	Tháo bu lông, giảm dặt khớp nối cứng	công	1,00		
6	Tháo gối đỡ chủ động	tấn	0,21		
7	Tháo cụm tang chủ động phục vụ công tác khôi phục trực tang	tấn	1,49		
8	Tháo vòng bi tang chủ động	vòng	2,00		
9	Gia công giá đỡ kích tháo khớp nối cứng (Sắt thép Bên A cấp)	tấn	0,10		
10	Tháo khớp nối cứng	tấn	0,31		
11	Tháo cụm động cơ, hộp giảm tốc phục vụ tháo trực đầu vào hộp giảm tốc và thay vòng bi khớp nối thủy lực	tấn	2,13		
12	Tháo khớp nối thủy lực ra khỏi trực	tấn	0,11		
13	Thay vòng bi khớp thủy lực	vòng	2,00		
14	Tháo trực đầu vào hộp giảm tốc	trục	1,00		
15	Tháo vòng bi trực đầu vào hộp giảm tốc	vòng	1,00		
16	Tháo, bảo dưỡng và lắp cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
17	Tháo, bảo dưỡng và lắp hộp giảm tốc động cơ phụ	bộ	1,00		
18	Lắp cụm động cơ, hộp giảm tốc phục vụ tháo trực đầu vào hộp giảm tốc và thay vòng bi khớp nối thủy lực	tấn	2,13		
19	Lắp vòng bi tang chủ động	vòng	2,00		
20	Lắp khớp nối cứng	tấn	0,31		
21	Lắp cụm tang chủ động	tấn	1,49		
22	Lắp gối đỡ chủ động	tấn	0,21		
23	Căn chỉnh toàn bộ cụm tang chủ động, động cơ, giảm tốc (Chi phí tính trong lắp thiết bị)				
24	Lắp bu lông, giảm dặt khớp nối cứng	công	1,00		
25	Lắp cơ cấu giữ đối trọng	bộ	1,00		
26	Lắp nắp bao che tang chủ động, bao che khớp nối cứng, khớp nối thủy lực	tấn	1,00		
F	Tháp trao đổi nhiệt				
I	Hàn khôi phục các vị trí rách hở ở các Cyclon C1-C5				
1	Tẩy các mối hàn cũ bị nứt không đảm bảo (thép hàn dây 8mm) tại các Cyclon C1-C5	công	15		
2	Mài sạch bavaria và vát mép tại các vị trí mối hàn	công	10		
3	Hàn khôi phục lại các mối hàn đã được tẩy ra ở các Cyclon C1-C5	công	20		
II	Sửa chữa khớp giãn nở tại vị trí chữ U (khớp bên dưới nhánh phía nghiêng liệu)				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ sửa chữa khớp giãn nở tại vị trí chữ U (giàn ngoài, chiều cao giàn <15m)	100m2	2		
2	Gia công, sửa chữa, gia cố lại khớp giãn nở đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	công	15		
	Cộng giá trị trước thuế				
	Thuế GTGT 10%				
	Cộng giá trị sau thuế				

***Lưu ý:** Nhà cung cấp phải tính toán chi phí, chào giá đúng các nội dung mà Bên A yêu cầu chào giá: Không chào thiếu hoặc chào thừa nội dung, khối lượng công việc mà Bên mời chào giá yêu cầu chào giá. Trường hợp Nhà cung cấp chào thiếu hoặc chào thừa sẽ bị Bên mời chào giá hiệu chỉnh sai lệch theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch. Khi đó Bên chào giá phải chấp nhận việc hiệu chỉnh, nếu không chấp nhận hồ sơ sẽ bị loại.

Khối lượng nêu trên chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu trên cơ sở khối lượng thực tế thi công. Khối lượng thực tế thi công được Hai Bên xác định dựa trên các cơ sở sau:

+ Về trọng lượng các thiết bị trong dây chuyền: xác định theo hồ sơ thiết kế hoặc bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc cattalo hoặc packinglist nhập khẩu hàng hóa hoặc đo tính toán xác định khối lượng, thể tích trọng lượng hoặc cân thực tế tại hiện trường tùy theo các điều kiện thực tế cho phép áp dụng để xác định khối lượng;

+ Về khối lượng các công tác Biện pháp giàn giáo, giá đỡ biện pháp phục vụ tháo dỡ, lắp đặt được tính toán trên cơ sở bản vẽ hoàn công được Đại diện A- B ký kết hợp với Biên bản bàn giao vật tư sắt thép (đối với các kết cấu gia công vật liệu chính do Bên A cấp) là cơ sở để xác định khối lượng Bên B đã thực hiện.

+ Về số nhân công, ca máy thực tế Bên B đã thực hiện: hai Bên giám sát xác định thực tế số công, số ca máy đã thực hiện (thông qua nhật ký công trình A- B ký);

+ Về các số lượng khác (cái, bộ...) đếm được sẽ nghiệm thu thông qua đếm thực tế.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ CHI TIẾT

Stt	Thành phần hao phí	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí vật liệu				
	Thép...	kg			
	Ô xy....	chai			
					
2	Chi phí nhân công				
3	Chi phí máy thi công				
	Máy A...	ca			
	Máy B...	ca			
4	Chi phí.....				
	Tổng giá trị tính trước thuế				

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết huy động: nhân lực có năng lực, kinh nghiệm, đủ số lượng và máy móc thiết bị thi công phù hợp, đủ số lượng để thực hiện gói mua sắm đảm bảo đáp ứng tiến độ, chất lượng theo các yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	

Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá⁽¹⁾.

1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá

- ☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
- ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời cung cấp phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và Thư chào giá sẽ bị loại.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp:

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	PHẦN 1: XƯỞNG CLINKER			
A	Ghi làm nguội Clinker 15a.04			
I	Hệ thống ghi 1			
1	Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 1 (cột +3.5m)	tấn	5,78	
2	Lắp các tấm ghi mới	tấn	6,36	
3	Tháo mặt xích bít đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 1	tấn	0,05	
4	Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06	
5	Tháo không chủ động, bị động ghi 1	tấn	0,5	
6	Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2	
7	Tháo ray ty trục bị động (2 cái)	tấn	0,05	
8	Lắp ray ty trục bị động (2 cái)	tấn	0,05	
9	Tháo ray ty dầm động (6 cái)	tấn	0,11	
10	Lắp ray ty dầm động (6 cái)	tấn	0,11	
11	Tháo trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,33	
12	Lắp trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,33	
13	Tháo trục bị động ghi 1 nhà lạnh	tấn	2,5	
14	Lắp trục bị động dàn ghi số 1	tấn	2,5	
15	Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2	
16	Lắp không chủ động, bị động ghi 1	tấn	0,5	
17	Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06	
18	Lắp mặt xích bít đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 1	tấn	0,05	
19	Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn)	tấn	0,74	
20	Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	8	
21	Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	4	
22	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn)	tấn	0,74	
23	Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn)	tấn	0,1	
24	Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động	vòng	2	
25	Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động	vòng	2	
26	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn)	tấn	0,1	
27	Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 1	tấn	0,76	
28	Vệ sinh các hộp, dầm thông gió làm mát	công	2	
29	Làm kín các khoang ghi	công	2	
30	Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt	công	5	
II	Hệ thống ghi 2			
1	Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cột +3.0m)	tấn	7,21	
2	Lắp các tấm ghi mới	tấn	8,07	
3	Tháo mặt xích bít đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 2	tấn	0,05	
4	Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06	
5	Thay thế không chủ động, bị động ghi 2:	tấn	0,5	
5.1	Tháo không chủ động, bị động ghi 2 cũ	tấn	0,5	
5.2	Lắp không chủ động, bị động ghi 2 mới	tấn	0,5	

6	Tháo vòng bị gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2
7	Tháo ray tỷ trục bị động (2 cái)	tấn	0,05
8	Lắp ray tỷ trục bị động (2 cái)	tấn	0,05
9	Tháo ray tỷ dầm động (6 cái)	tấn	0,11
10	Lắp ray tỷ dầm động (6 cái)	tấn	0,11
11	Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,44
12	Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tấn	1,44
13	Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh	tấn	2,85
14	Lắp trục bị động dẫn ghi số 2	tấn	2,85
15	Lắp vòng bị gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2
16	Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tấn	0,3
17	Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tấn	0,15
18	Thay thế 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị	tấn	0,15
18.1	Tháo 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị	tấn	0,15
18.2	Lắp 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị	tấn	0,15
19	Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tấn	1,06
20	Lắp mặt xích bị đứt trục chủ động và trục bị động dẫn ghi số 2	tấn	0,05
21	Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn)	tấn	0,74
22	Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	4
23	Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	8
24	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn)	tấn	0,74
25	Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tấn	0,1
26	Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động	vòng	4
27	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tấn	0,1
28	Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2	tấn	0,76
29	Thay thế các dầm ghi bị hư hỏng	tấn	0,70
29.1	Tháo các dầm ghi bị hư hỏng	tấn	0,70
29.2	Lắp dầm ghi mới thay thế	tấn	0,70
30	Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động	tấn	0,20
30.1	Tháo bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động cũ	tấn	0,20
30.2	Lắp bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động mới	tấn	0,20
31	Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở)	công	5
32	Làm kín các khoang ghi	công	2
33	Hàn giá cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt	công	3
B	Hệ thống lò nung 15b.01		
I	Sym chèn vành băng đa bộ lò số 1		
1	Cung cấp vật tư, gia công 16 bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết: sym chèn, dẫn hướng, vai tỷ, chặn vai, tấm ép) theo mẫu Bên A cấp	tấn	3,45
2	Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài)	100m2	1,25
3	Tháo bộ sym chèn cũ	tấn	3,06
4	Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn mới	tấn	3,45
II	Sym chèn vành băng đa bộ lò số 2		
1	Cung cấp vật tư, gia công 16 tấm sym chèn, 16 tấm ép và 02 bộ phụ kiện (bao gồm các chi tiết: dẫn hướng, vai tỷ, chặn vai) theo mẫu Bên A cấp	tấn	1,13
2	Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài)	100m2	1,25
3	Tháo bộ sym chèn cũ	tấn	2,87
4	Sửa chữa các chi tiết dẫn hướng, vai tỷ, chặn vai cũ để lắp lại	tấn	1,81
5	Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết mới và các chi tiết sửa chữa lắp lại)	tấn	2,94
III	Thay bạc bộ lò số 1 (gối 1.1÷1.4)		
1	Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí	công	5
2	Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (Vật liệu chính A cấp)	tấn	1,5
3	Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi	tấn	0,5

	trơn con lăn			
4	Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn	công	5	
5	Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp)	tấn	1,5	
6	Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích)	bộ	1	
7	Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ	tấn	11,806	
8	Kích nâng con lăn (02 con bao gồm con lăn và trục)	tấn	34,16	
9	Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ	bộ	4	
10	Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh bóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá ni để đánh bóng...)	đầu trục	4	
11	Rà cạo bạc mới gối đỡ con lăn (02 cái/bộ)	Bộ	2	
12	Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ	bộ	2	
13	Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ	tấn	11,806	
14	Lắp lại con lăn vào vị trí	tấn	34,16	
15	Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh	bộ	1	
16	Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích	tấn	1,5	
17	Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn	tấn	0,5	
18	Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc	tấn	1,5	
19	Căn chỉnh, trực chạy thử	công	15	
IV	Thay bạc bệ lò số 3 (gối 3.3 và 3.4)			
1	Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí	công	5	
2	Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (VLC A cấp)	tấn	1	
3	Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn	tấn	0,25	
4	Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn	công	5	
5	Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp)	tấn	1	
6	Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích)	bộ	1	
7	Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ	tấn	5,903	
8	Kích nâng con lăn (01 con bao gồm con lăn và trục)	tấn	17,08	
9	Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ	bộ	2	
10	Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh bóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá ni để đánh bóng...)	đầu trục	2	
11	Rà cạo bạc mới gối đỡ con lăn (02 cái/bộ)	bộ	1	
12	Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ	bộ	1	
13	Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ	tấn	5,903	
14	Lắp lại con lăn vào vị trí	tấn	17,08	
15	Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh	bộ	1	
16	Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích	tấn	1	
17	Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn	tấn	0,25	
18	Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc	tấn	1	
19	Căn chỉnh, trực chạy thử	công	15	
C	Hệ thống máy nghiền than			
I	Thay thế vòng bi HGT phân ly			
1	Vệ sinh toàn bộ mặt bằng trước khi thi công	công	0,5	
2	Tháo bao che khớp nối trước khi thi công	bộ	1,0	
3	Tháo động cơ + Hộp giảm tốc đặt xuống sàn thao tác	tấn	0,4	
4	Tháo khớp nối đầu ra HGT	cái	1,0	
5	Tháo động cơ	tấn	0,1	
6	Gia công bộ giá kích vòng bi (VLC A cấp)	tấn	0,1	
7	Tháo toàn bộ vòng bi + phốt của HGT ra khỏi trục bánh răng bao gồm: 08 vòng bi + 01 phốt	cái	9,0	
8	Vệ sinh toàn bộ chi tiết sau khi tháo	công	1,0	
9	Lắp mới toàn bộ vòng bi + phốt của HG, bao gồm: 08 vòng bi +	cái	9,0	

	01 phút			
10	Lắp động cơ	tấn	0,1	
11	Lắp khớp nối đầu ra HGT	cái	1,0	
12	Lắp bao che khớp nối sau khi thi công	bộ	1,0	
13	Lắp đặt, căn chỉnh theo bản vẽ số:922140-00-3	bộ	1,0	
II	Taro lại lỗ bắt bu lông M42			
1	Gia công bộ cle tháo bu lông	bộ	1,0	
2	Tháo bu lông M42 cũ	bộ	20,0	
3	Tarro lỗ bu lông M42 lên M48	công	20,0	
4	Tháo bộ côn ép cánh tay đòn	bộ	4,0	
5	Lắp bu lông M48 mới	bộ	20,0	
6	Lắp, căn chỉnh lại bộ côn ép cánh tay đòn	công	4,0	
III	Con lăn máy nghiền			
1	Gia cố lại côn che cổ trục vỏ con lăn	bộ	1,0	
IV	Gầu 15C.06 (Cốt 92m)			
1	Vận chuyển bộ lót tang lên đỉnh gầu phục vụ thay thế	tấn	0,2	
2	Tháo bao che đỉnh gầu	tấn	1,0	
3	Tháo bộ lót tang cũ	tấn	0,15	
4	Lắp bộ lót tang mới	tấn	0,2	
5	Tháo thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động	công	2	
6	Tháo cơ cấu đối trọng	tấn	1,5	
7	Tháo mặt xích vỏ gầu	tấn	0,8	
8	Vệ sinh, gia cố tang bị động (Nếu cần)	công	10	
9	Lắp thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động	công	2	
10	Lắp cơ cấu đối trọng	tấn	1,5	
11	Lắp mặt xích vỏ gầu	tấn	0,8	
12	Căn chỉnh (đã tính trong chi phí lắp)	bộ	1	
	PHẦN 2 XUỐNG NGUYÊN LIỆU			
I	Phục hồi van quay cấp liệu 12/16.01			
1	Bắc dựng, tháo dỡ giáo	100m2	2	
2	Tháo động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m	Tấn	0,516	
3	Tháo cụm van quay cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m	Tấn	6,612	
4	Tháo bộ khớp nối côn	Công	2	
5	Tháo vành côn đỡ ổ trục	Tấn	1,489	
6	Tháo gối đỡ, xích chặn, vòng bi..	Tấn	0,175	
7	Tháo vành giám sát tốc độ	Công	2	
8	Tháo vành làm kín	Công	4	
9	Tháo các tấm lót	Tấn	0,16	
10	Tháo trục lót, cánh van ra khỏi vỏ van	Tấn	2,440	
11	Cắt vành mặt xích đốc van Ø1400xØ1200x20	Cái	2	
12	Gia công mới vành mặt xích đốc van Ø1400xØ1200x20 (VLC A cấp)	Cái	2	
13	Hàn, gia cố vành mới với mặt xích	Cái	2	
14	Lắp trục lót, cánh van vào vỏ van	Tấn	2,440	
15	Lắp các tấm lót	Tấn	0,16	
16	Lắp vành làm kín	Công	10	
17	Lắp vành giám sát tốc độ	Công	2	
18	Lắp gối đỡ, vòng bi	Tấn	0,175	
19	Lắp vành côn đỡ ổ trục	Tấn	1,489	
20	Lắp cụm van quay cốt 12,00 m	Tấn	6,612	
21	Lắp bộ khớp nối côn	Công	2	
22	Lắp động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m	Tấn	0,516	
23	Căn chỉnh hệ thống van	Công	6	

Bên mời chào giá có thể thay đổi (tăng hoặc giảm số lượng, khối lượng); bổ sung hoặc bỏ bớt phạm vi công việc nêu trong phạm vi cung cấp nêu trên. Bên chào giá cam kết việc thay đổi này không thay đổi đơn giá của phần việc bị thay đổi khối lượng mà Nhà cung cấp đã chào giá. Đối với các công việc sửa chữa

không xác định được trọng lượng thiết bị mà tính bằng số công thì số công trong bảng yêu cầu chỉ là tạm tính, số công thực tế Bên B thì công xác định theo thực tế được Hai Bên giám sát tại hiện trường.

Mục 2. Thời điểm thực hiện và thời gian thực hiện:

+ Thời điểm thực hiện: Theo kế hoạch sửa chữa lớn của Bên A. Dự kiến thực hiện vào cuối tháng 02 -đầu tháng 03 năm 2021. Tùy tình hình sản xuất, Bên A sẽ quyết định thời điểm tiến hành thực hiện sửa chữa vào một thời gian thích hợp trong Quý I năm 2021. Trong bất cứ điều kiện nào, Bên B phải đáp ứng tiến hành thực hiện công việc sửa chữa vào thời điểm mà Bên A yêu cầu.

+ Thời gian thực hiện công việc của gói mua sắm yêu cầu không quá 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành công việc theo kế hoạch sửa chữa của Bên A. Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 05 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà cung cấp phải thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Thực hiện tháo, dỡ các thiết bị đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người, tài sản và thiết bị của Bên A.

2. Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt; đảm bảo đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:

+ TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản.

+ TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu;

+ TCXD 187: 1996 - Khớp nối trục - Sai số lắp đặt.

+ TCXD 181:1996 - Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt.

+ TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt;

+ TCXD 207: 1998 – Lọc bụi tĩnh điện – sai số lắp đặt;

+ TCXD: 180: 1996 – Máy nghiền nguyên liệu – sai số lắp đặt.

2. Các mối liên kết giữa các chi tiết thiết bị, kết cấu trong quá trình lắp đặt phải đúng yêu cầu kỹ thuật:

- Liên kết bằng bulong phải xiết đủ lực xiết.

- Các mối liên kết hàn phải đủ độ dày theo tiêu chuẩn, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn đảm bảo chất lượng, đúng kỹ thuật.

3. Nhà cung cấp dịch vụ có cam kết đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị; đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và các qui định khác

của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện sửa chữa; cam kết lập biện pháp thi công trình Bên A duyệt trước khi thực hiện.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2020/HĐKT

V/v Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020
(Ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐII)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao v/v phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp thực hiện gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt II năm 2020– Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao (Ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐII);

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày / /2020 giữa Hai Bên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210 3884 927

Fax: 0210 3884 929

Mã số thuế : 2600279082

Tài khoản : 118 600399 566

Ngân hàng : TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Phú Thọ.

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

BÊN B :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng :

Mã số thuế :

Đại diện : Ông (Bà):

Chức vụ :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đột II năm 2020 - Nhà máy của Bên A.

Nội dung công việc chi tiết theo Bảng giá trị Hợp đồng nêu tại Khoản 4.1 - Điều 4 của Hợp đồng.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật:

a. Thực hiện công việc gia công giá đỡ biện pháp... (gọi chung là gia công kết cấu) theo đúng bản vẽ và yêu cầu kỹ thuật của Bên A. Thực hiện tháo, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

b. Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:

+ TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCVN 5639:1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu;

+ TCXD 187: 1996 - Khớp nối trục - Sai số lắp đặt.

+ TCXD 181:1996 - Bảng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt.

+ TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt;

+ TCXD 207: 1998 - Lọc bụi tĩnh điện - sai số lắp đặt;

+ TCXD: 180: 1996 - Máy nghiền nguyên liệu - sai số lắp đặt.

c. Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng: Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt; các mối liên kết bằng hàn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật.

d. Các thiết bị sau khi bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phải được đưa vào chạy thử không tải và chạy thử có tải trong 72 giờ. Sau khi chạy thử không tải và có tải thiết bị phải làm việc ổn định, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế.

2.2. Điều kiện nghiệm thu: Việc nghiệm thu được thực hiện theo các công đoạn như sau:

a. Nghiệm thu công việc đã thực hiện: Đối với các công việc gia công khung giá đỡ biện pháp, giá đỡ lò, giá kích vòng bi... (gọi chung là gia công kết cấu), lắp dựng giàn giáo: sau khi Bên B thực hiện xong Hai Bên tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B chuyển sang lắp đặt, sử dụng;

b. Nghiệm thu lắp đặt tĩnh: Khi Bên B hoàn thành các công việc lắp đặt các thiết bị nêu tại Điều 1 của Hợp đồng, thiết bị đã được sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

nêu tại Khoản 2.1- Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu tĩnh cho phép tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải thiết bị theo qui trình.

c. Nghiệm thu chạy thử không tải và chạy có tải: Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu tĩnh, Hai Bên tiến hành chạy thử không tải và chạy có tải thiết bị theo qui trình. Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy có tải.

d. Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: Sau khi thiết bị đưa vào chạy thử có tải đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc bàn giao đưa vào sử dụng.

e. Với mỗi bước nghiệm thu, Bên A sẽ từ chối nghiệm thu nếu qua kiểm tra, đánh giá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khi đó, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm thực hiện Hợp đồng:

a. Thời gian thi công: Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt hoàn chỉnh các thiết bị vào vị trí trong vòng ngày, kể từ ngày Bên A yêu cầu Bên B bắt đầu thi công. Tiến hành công tác chạy thử, hiệu chỉnh thiết bị hoàn thành đúng theo kế hoạch sửa chữa của Bên A.

b. Địa điểm thi công: Tại Nhà máy Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

Điều 4. Hình thức và giá trị Hợp đồng:

4.1. Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là: đồng (Bằng chữ:).

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	PHẦN KHỐI LƯỢNG XUỐNG LIỆU				
I	Thay ru lô liên hộp giảm tốc băng tải máy rải 06/18.02 (cốt 9m)				
1	Tháo ru lô bị động, phanh	Công	4		
2	Tháo khớp nối	Công	1		
3	Tháo động cơ	Tấn	0,185		
4	Tháo ru lô liên hộp giảm tốc xuống cốt 0.00m	Tấn	0,83		
5	Tháo gối đỡ + vòng bi (Mã vòng bi 23024CA)	Tấn	0,04		
6	Lắp gối đỡ + vòng bi	Tấn	0,04		
7	Lắp ru lô liên hộp giảm tốc	Tấn	0,83		
8	Lắp khớp nối	Công	1		
9	Lắp động cơ	Tấn	0,185		
10	Lắp ru lô bị động, phanh	Công	4		
11	Căn chỉnh hệ thống + chạy thử (tính chi phí trong lắp đặt các thiết bị nêu trên)				
II	Thay ru lô liên hộp giảm tốc băng tải máy rải 06/18.03 (cốt 5,5m)				
1	Tháo dây cáp fi 22	m	150		
2	Tháo cụm động cơ cấp nhanh, chậm, khớp nối	Tấn	0,4		
3	Tháo hộp giảm tốc	Tấn	0,7		
4	Tháo tang cuốn cáp	Tấn	0,63		
5	Lắp tang cuốn cáp	Tấn	0,63		
6	Lắp hộp giảm tốc	Tấn	0,7		
7	Lắp cụm động cơ cấp nhanh, chậm, khớp nối	Tấn	0,4		

8	Lắp dây cáp fi 22	m	150		
9	Căn chỉnh hệ thống + chạy thử (chỉ phí tính trong lắp đặt các thiết bị nêu trên)				
PHÂN KHỐI LƯỢNG XƯỞNG CLINKER					
A	HỆ THỐNG MÁY NGHIÊN THAN LM23.2D				
I	Thay vỏ con lăn M1+M2, thay vòng bi + phốt làm kín cổ trục con lăn M1 + Thay mới côn ép cánh tay đòn con lăn, cổ trục con lăn M1				
1	Chỉ phí thuê cầu phục vụ việc tháo + lắp thay thế con lăn M1, M2; thay vòng bi con lăn + phốt làm kín cổ trục con lăn M1 (tính chỉ phí trong lắp các thiết bị dưới đây)				
2	Cắt tháo lan can, sàn thao tác trên cột 3,4m phục vụ cho việc thay 02 vỏ con lăn M1, M2; thay vòng bi con lăn + phốt làm kín cổ trục con lăn M1	tấn	1,0		
3	Tháo đường ống khí + đường ống dầu, ống khí trên 02 con lăn M1 + M2 Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
4	Tháo chi tiết côn ép cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 2 công/con lăn	công	4,0		
5	Tháo bao che bảo vệ con lăn M1+M2 khối lượng: 0,4 tấn/con lăn	tấn	0,8		
6	Tháo bulong ép côn trên trục cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 02 công/con lăn	công	4,0		
7	Tháo phần vỏ máy nghiền vị trí 02 con lăn M (bao gồm: tháo cửa vỏ nghiền, bulong, và gioăng con lăn M) Độ cao trung bình: 04 m Bao gồm: 1, chi tiết COVER,CPL: 1,8 tấn/bộ 2, Chi tiết Bulong M20 : 76 bộ Dự kiến: 1,9 tấn/con lăn	tấn	3,8		
8	Lắp xi lanh thủy lực + chốt phục vụ ngửa 02 con lăn M ra ngoài Dự kiến: 0,8 tấn/con lăn (Thiết bị Bên A cấp)	tấn	1,6		
9	Ngửa 02 con lăn M ra phía ngoài Dự kiến: 1,5 công/con lăn	công	3,0		
10	Lắp + tháo giáo phục vụ việc thao tác trên độ cao 3,6m Dự kiến: 04/con lăn	100m2	0,08		
11	Tháo gu rông, vành kẹp quả lô cao 3,6 m gồm: 12 bu lông M56x700/con lăn + vành kẹp quả lô: 305 kg Dự kiến: 450 kg/bộ	tấn	0,9		
12	Gia công tăng cứng bộ kích để tiến hành kích 02 vỏ con lăn M (Sắt thép Bên A cấp) Dự kiến: Gia công 02 bộ khối lượng 0,5 tấn/bộ	tấn	1,0		
13	Tháo 02 vỏ con lăn M từ cao độ: 3,6m nhắc xuống đất Khối lượng: 4 tấn/vỏ con lăn	tấn	8,0		
14	Tháo bu lông + mặt bích ép ca ngoài và ca trong vòng bi con lăn M1 + M2 M1 phục vụ việc thay thế, M2 phục vụ việc vệ sinh vòng bi dẫn động	tấn	0,4		
15	Kích nổi vòng vi con lăn M1	công	4,0		
16	Tháo nhắc toàn bộ phần HUB của con lăn M1 xuống đất phục vụ việc thay thế gioăng làm kín cổ trục con lăn M1 (Bao gồm khối lượng HUB, vòng bi dẫn động con lăn)	tấn	5,4		

17	Gia công bộ kích phục vụ việc kích tháo cao trong và ca ngoài vòng bi tang trống con lăn M1	tấn	0,8		
18	Tháo vòng bi tang trống con lăn M1 để thay thế	tấn	0,3		
19	Tháo chi tiết ống đỡ ca trong + ca ngoài, ống trụ đỡ khoảng cách vòng bi dẫn động con lăn M1	tấn	0,4		
20	Tháo bộ gioăng làm kín cổ trục con lăn M1	bộ	1,0		
21	Vệ sinh tổng thể phần trục, vòng bi dẫn động và moay ơ lắp ghép con lăn M1+M2 và vị trí làm gioăng con lăn M1	công	8,0		
22	Thay thế + căn chỉnh lắp đặt bộ gioăng làm kín cổ trục con lăn M1	bộ	1,0		
23	Lắp đặt toàn bộ phần HUB của con lăn M1 (Bao gồm khối lượng HUB, vòng bi dẫn động con lăn)	tấn	5,4		
24	Lắp chi tiết ống đỡ ca trong + ca ngoài, ống trụ đỡ khoảng cách vòng bi dẫn động con lăn M1	tấn	0,4		
25	Thay thế + căn chỉnh vòng bi tang trống dẫn động con lăn M1 mới	tấn	0,297		
26	Lắp bu lông + mặt bích ép ca ngoài và ca trong vòng bi con lăn M1 + M2 M1 phục vụ việc thay thế, M2 phục vụ việc vệ sinh vòng bi dẫn động	tấn	0,4		
27	Vệ sinh bề mặt tiếp xúc giữa vỏ con lăn và moay ơ Dự kiến: 06 công/con lăn	công	2,0		
28	Mài rà tiếp xúc con lăn mới và moay ơ	công	10,0		
29	Lắp mới 02 vỏ con lăn M từ cao độ 0m lên cao độ 3,6m Khối lượng: 4,5 tấn/vỏ	tấn	9,0		
30	Lắp gu rông, vành kẹp quả lô cao 3,6 m gồm: 12 bu lông M56x700/con lăn; vành kẹp quả lô 305kg/con lăn	tấn	0,9		
31	Siết, kiểm tra lực bu lông ép 04 vỏ con lăn. Dự kiến: 05 công/con lăn	công	10,0		
32	Gia công và lắp mới bộ ống chụp bảo vệ bu lông	công	5,0		
33	Gia công bộ côn che bảo vệ con lăn M1	bộ	1,0		
34	Lắp bao che bảo vệ con lăn M1+M2 khối lượng: 0,8 tấn/con lăn	tấn	1,6		
35	Đẩy 02 con lăn M vào vị trí Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
36	Lắp phần vỏ máy nghiền vị trí 02 con lăn M (bao gồm: tháo cửa vỏ nghiền, bulong, và gioăng con lăn M) Độ cao trung bình: 04 m Bao gồm: 1, chi tiết COVER,CPL: 1,8 tấn/bộ 2, Chi tiết Bulong M20 : 76 bộ Dự kiến: 1,9 tấn/con lăn	tấn	3,8		
37	Lắp bulong ép côn trên trục cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 02 công/con lăn bao gồm cả côn ép mới thay thế và cũ	công	4,0		
38	Lắp chi tiết côn ép cánh tay đòn 02 con lăn M- máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 3 công/con lăn	công	6,0		
39	Lắp đường ống khí + đường ống dầu, ống khí trên 02 con lăn M Dự kiến: 03 công/con lăn	công	6,0		
40	Lắp lan can, sàn thao tác trên cốt 3,4m phục vụ cho việc thay 02 vỏ con lăn M - máy nghiền than (LM23.2D) Dự kiến: 0,5 tấn/con lăn	tấn	1,0		
II	Thay mới bu lông cánh tay đòn con lăn M				
1	Tháo bu lông M42 cũ	bộ	20,0		

2	Taro lại các bu lông bị hỏng ren	công	8,0		
3	Lắp bu lông M42 mới (Bu lông A cấp)	bộ	20,0		
III	Thay gioăng nâng hạ con lăn M				
1	Tháo cửa, tháo đường ống bơm dầu	công	5,0		
2	Tháo cụm xi lanh đưa xuống đất	tấn	1,5		
3	Tháo vệ sinh, bảo dưỡng xi lanh (yêu cầu thực hiện tại mặt bằng Nhà máy Bên A)	công	15,0		
4	Thay phốt chấn dầu xi lanh	bộ	2,0		
5	Lắp cụm xi lanh	tấn	1,5		
6	Bảo dưỡng gối đỡ xi lanh	công	10,0		
7	Lắp lại đường ống bơm dầu, cửa	công	5,0		
B	HỆ THỐNG LỒ LUNG 15B.01				
I	Đường ống gió 3 - 15b.03 (Đường kính ~2.300mm)				
1	Chi phí thuê cầu phục vụ việc tháo + lắp thay thế 01 khớp giãn nở, gia công bổ sung 01 khớp giãn nở mới và thực hiện lắp đặt trụ gia công mới theo đề xuất số: /BCĐX - KT&NCTK - CLK (cầu 25 tấn)	ca	1,5		
2	Bắc giáo phục vụ việc kiểm tra, gia cố lại toàn bộ hệ thống thang răng trụ đỡ chính số 01	100m2	1,5		
3	Gia cố lại toàn bộ hệ thống thang răng trụ đỡ chính số 01	công	10,0		
4	Đục bê tông mép sàn nhà ghi và bê tông tại vị trí lắp khớp giãn nở mới bổ sung (máy đục bê tông Bên B cấp)	m3	0,8		
5	Gia công mới thay thế trụ đỡ phụ số 01 cạnh phía kiln hood có kích thước lớn hơn thay thế cho trụ đỡ đã bị hỏng (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)	tấn	2,5		
6	Gia công mới bổ sung thêm hệ thống dầm chống chéo từ phía dầm chính nhà ghi làm ngội lên tới trụ đỡ chính số 1 (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)	tấn	5,0		
7	Kích nấn lại 1 phần trụ đỡ chính số 1 về trạng thái ban đầu.	tấn	20,0		
8	Lắp đặt trụ đỡ phụ số 01 cạnh phía kiln hood có kích thước lớn hơn thay thế cho trụ đỡ đã bị hỏng.	tấn	2,5		
9	Lắp đặt bổ sung thêm hệ thống dầm chống chéo từ phía dầm chính nhà ghi làm ngội lên tới trụ đỡ chính số 1	tấn	5,0		
10	Thay mới khớp giãn nở số 2 tại vị trí cốt 20,5m	bộ	1,0		
11	Lắp bổ sung khớp giãn nở số 1 tại vị trí cốt 11,5m	bộ	1,0		
12	Gia công đoạn ống gió C3 bù khe hở khi lắp khớp giãn nở số 2 tại vị trí cốt 20,5m (Gia công tại hiện trường, sắt thép A cấp)	tấn	1,1		
II	Thay thế ống lồng C2				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ tháo dỡ và lắp đặt ống lồng C5, độ cao giàn giáo <=16m	100m2	4,0		
2	Đục bê tông tháo phần ống bảo vệ bu lông	công	6,0		
3	Tháo dỡ ống lồng C2 cũ	Tấn	5,2		
4	Vận chuyển ống lồng C2 vừa tháo dỡ từ vị trí tháo dỡ xuống mặt đất bằng tời điện 5T	Tấn	5,2		
5	Vận chuyển ống lồng C2 mới từ chân công trình lên sàn lắp ống bằng tời điện 5T	Tấn	6,5		
6	Lắp đặt ống lồng C2 mới (Que hàn INOX, bu lông lắp ghép, tời điện do Bên A cấp)	Tấn	6,5		
III	Ghi làm ngội Clinker số 2				
1	Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cốt +3.0m)	tấn	7,08		
2	Lắp các tấm ghi (bao gồm cả tấm ghi mới và các tấm cũ dùng lại nhưng phải tháo ra để căn chỉnh)	tấn	8,86		
3	Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động	tấn	0,05		

	ghi số 2				
4	Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tán	1,06		
6	Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2		
7	Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái)	tán	0,05		
8	Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái)	tán	0,05		
9	Tháo ray tỳ dầm động (6 cái)	tán	0,11		
10	Lắp ray tỳ dầm động (6 cái)	tán	0,11		
11	Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tán	1,44		
12	Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian)	tán	1,44		
13	Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh	tán	2,85		
14	Lắp trục bị động dầm ghi số 2	tán	2,85		
15	Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng)	vòng	2		
16	Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tán	0,3		
17	Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động	tán	0,3		
18	Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động	tán	1,06		
19	Lắp mặt xích bị động trục chủ động và trục bị động dầm ghi số 2	tán	0,05		
20	Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn)	tán	0,74		
21	Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	4		
22	Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động	vòng	8		
23	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn)	tán	0,74		
24	Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tán	0,1		
25	Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động	vòng	4		
26	Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn)	tán	0,1		
27	Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2	tán	0,76		
28	Tháo các dầm ngang, dầm dọc bị biến dạng, nứt và cong vênh không đảm bảo	tán	1,50		
29	Gia công, lắp đặt dầm ngang, dầm dọc mới (sắt thép bên A cấp)	tán	1,50		
30	Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động	tán	0,20		
31	Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở)	công	5		
32	Hàn làm kín khe hở vách ghi	công	5		
33	Làm kín các khoang ghi	công	2		
34	Trục chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5		
IV	Thay tấm lưới gà đầu lò				
1	Tháo các tấm lưới gà cũ	tán	0,37		
2	Lắp đặt các tấm lưới gà mới	tán	0,43		
V	Thay vòng bi và tháo cụm bánh răng chủ động (Pinion)				
1	Tháo dầu, vệ sinh bề dầu, vệ sinh khu vực thi công và lấy dầu các vị trí	công	10		
2	Tháo, lắp bao che thiết bị khu vực thi công	tán	1,5		
3	Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ kích (sắt thép bên A cấp)	tán	1,5		
4	Lắp đặt kích nâng cố định lò phục vụ tháo cụm bánh răng trục chủ động	bộ	1		
5	Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá đỡ phục vụ tháo	tán	1,5		

	lắp cụm bánh răng chủ động (sắt thép bên A cấp)				
6	Tháo cụm động cơ, hộp giảm tốc phụ phục vụ thi công tháo lắp cụm bánh răng chủ động	tấn	2,5		
7	Tháo cụm bánh răng chủ động	tấn	11,07		
8	Gia công khung giá đỡ kích tháo khớp nối (sắt thép bên A cấp)	tấn	0,20		
9	Tháo khớp nối trực	tấn	1,08		
10	Gia công khung giá đỡ kích phục vụ tháo vòng bi (sắt thép bên A cấp)	tấn	0,3		
11	Tháo 02 vòng bi gối đỡ ra khỏi trục (195kg/vòng)	tấn	0,39		
12	Đánh bóng cô trục vị trí lắp gioăng làm kín, đầu trục đạt yêu cầu (đánh bóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá ni để đánh bóng...)	đầu trục	2		
13	Lắp đặt khớp nối trực	tấn	1,08		
14	Lắp 02 vòng bi gối đỡ mới (195kg/vòng)	tấn	0,39		
15	Lắp đặt, căn chỉnh cụm bánh răng chủ động vào vị trí	tấn	11,07		
16	Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh (sử dụng bột màu để kiểm tra tiếp xúc vành răng)	bộ	1		
17	Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ kích	tấn	1,5		
18	Căn chỉnh lại động cơ, hộp giảm tốc chính lò	tấn	9,84		
19	Lắp đặt, căn chỉnh cụm động cơ, hộp giảm tốc phụ lò	tấn	2,5		
20	Tháo dỡ sàn thao tác, giá đỡ phục vụ tháo lắp cụm bánh răng chủ động	tấn	1,5		
21	Xiết bu lông liên kết vành răng lớn với lò, kiểm tra thay bu lông vành răng, làm kín hệ thống vành răng lớn, trục bánh răng chủ động	công	10		
22	Trục chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5		
C	Lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 và các khớp giãn nở				
I	Lọc bụi tĩnh điện 12/16.19				
1	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ kho đến chân công trình bằng thủ công (cự ly 90m)	tấn	21,01		
2	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ chân công trình lên cao 20m bằng thủ công	tấn	21,01		
3	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ cốt 20m xuống đất bằng thủ công	tấn	18,06		
4	Bốc xếp, vận chuyển vật liệu từ chân công trình về kho bằng thủ công	tấn	18,06		
5	Vệ sinh vị trí sửa chữa	công	15		
6	Lắp, tháo dần giáo trong phục vụ thi công (Làm việc trong môi trường nóng bụi, phải gia cố giáo để đảm bảo cho người và thiết bị) (chiều cao 15m)	100m2	5		
7	Thay khung treo thanh gai cực phóng: Cắt bỏ khung treo thanh cực phóng bị hỏng (F42)	tấn	0,95		
	Lắp các khung treo cực phóng mới (F42)	tấn	1,12		
8	Thay thanh gai cực phóng Cắt tháo các thanh gai cực phóng cũ	tấn	1,01		
	Lắp các thanh gai cực phóng mới	tấn	1,19		
9	Thay tấm bản cực thu Tháo tấm bản cực thu bị hỏng	tấn	8,39		
	Lắp tấm bản cực thu mới	tấn	9,87		
13	Gia cố lại khung các bản cực thu, cực phóng không thay mới	công	30,00		
14	Thay khung treo giàn búa (trục búa) Tháo khung treo giàn búa cũ (trục búa)	tấn	3,96		
	Lắp khung treo giàn búa mới (trục búa)	tấn	4,66		
15	Thay búa gỗ cực phóng Tháo búa gỗ cực phóng cũ	tấn	1,39		
	Lắp búa gỗ cực phóng mới	tấn	1,54		
15	Thay búa gỗ cực thu				

	Tháo búa gỗ cực thu cũ	tấn	0,66		
	Lắp búa gỗ cực thu mới	tấn	0,73		
16	Thay thanh treo trục búa				
	Tháo thanh treo trục búa gỗ (F25)	tấn	0,14		
	Lắp thanh treo trục búa gỗ (F25)	tấn	0,14		
17	Thay tầng đỡ M24:				
	Tháo tầng đỡ M24	cái	6		
	Lắp tầng đỡ M24	cái	6		
18	Thay sứ búa gỗ (cả tháo và lắp):				
	Tháo sứ búa gỗ	quả	3		
	Lắp sứ búa gỗ	quả	3		
19	Thay giá treo bi tỷ (cả tháo và lắp):				
	Tháo giá treo bi tỷ	tấn	0,06		
	Lắp giá treo bi tỷ	tấn	0,06		
20	Thay vòng bi tỷ 5204 (cả tháo và lắp)				
	Tháo vòng bi tỷ 5204	vòng	12		
	Lắp vòng bi tỷ 5204	vòng	12		
21	Thay giá treo sứ búa gỗ (cả tháo và lắp)				
	Tháo giá treo sứ búa gỗ	tấn	0,3		
	Lắp giá treo sứ búa gỗ	tấn	0,3		
22	Thay con lăn dẫn hướng cơ cấu búa gỗ				
	Tháo con lăn dẫn hướng cũ gồm cả vòng bi	bộ	48		
	Lắp vòng bi cho con lăn dẫn hướng mới	vòng	48		
	Lắp con lăn dẫn hướng mới	bộ	48		
23	Thay vòng bi giảm tốc búa gỗ cực phóng, cực thu, phân gió (11 bộ)				
	Tháo động cơ liên giảm tốc búa gỗ cực phóng, cực thu, chia gió (11 bộ)	tấn	0,66		
	Thay các vòng bi hộp giảm tốc (11 bộ)	vòng	70		
	Lắp đặt, căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc (11 bộ)	tấn	0,66		
24	Thay vòng bi gối trục động cơ, hộp giảm tốc búa gỗ cực phóng (cả tháo và lắp mới)	vòng	12		
25	Thay cơ cấu bán nguyệt				
	Tháo cơ cấu bán nguyệt cũ	bộ	6		
	Lắp đặt, căn chỉnh cơ cấu bán nguyệt	bộ	6		
26	Khôi phục các tấm chia gió				
	Tháo các tấm chia gió đã bị rơi kẹt trong lọc bụi và các tấm bị hư hỏng	tấn	2,12		
	Gia công phục hồi các tấm chia gió	tấn	1,06		
	Lắp đặt các tấm chia gió	tấn	2,12		
27	Căn chỉnh khoảng cách các bản cực không thay mới	công	50		
28	Tháo dỡ, thay mới bông bảo ôn, thép bọc bảo ôn phần vỏ lọc bụi bị một thùng và các vị trí không đảm bảo	công	10		
29	Cắt phần tôn vỏ lọc bụi bị một thùng	tấn	1,20		
30	Lắp tôn vỏ lọc bụi mới	tấn	1,40		
31	Trực chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5,00		
II	Khớp giãn nở đầu ra lọc bụi 12/16.19 và khớp trên đường ống đứng đầu vào quạt 12/16.20				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ thay vải và bọc bảo ôn 02 khớp giãn nở (giáo ngoài, chiều cao giáo <25m)	100m ²	4,00		
2	Tháo vải bọc bảo ôn và bông bảo ôn 02 khớp giãn nở	công	5		
3	Thay bảo ôn và bọc vải silicon chịu nhiệt mới lại cho 02 khớp giãn nở	công	15		
D	Gầu 15a.17: Thay cặp bánh răng cấp 1 HGT, động cơ, khớp nối thủy lực (thực hiện tại sàn cốt +46m)				
1	Vệ sinh quanh vị trí đảm bảo an toàn, sạch sẽ trước khi thi công	công	3,00		

2	Vận chuyển động cơ, khớp nối thủy lực từ kho đến chân công trình	tấn	0,35		
3	Vận chuyển động cơ, khớp nối thủy lực từ chân công trình lên sàn (Cốt +46m) trong điều kiện treo leo, mái dốc.	tấn	0,35		
4	Thực hiện kéo, giữ hệ thống gầu xiên 15a.17 chống trôi	tấn	55,71		
5	Tháo chốt khớp nối cứng sang nhông chủ động	công	1,00		
6	Tháo động cơ, khớp nối thủy lực	tấn	0,35		
7	Tháo hộp giảm tốc	tấn	2,13		
8	Tháo cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
9	Tháo trục bánh răng (bao gồm trục, bánh răng, vòng bi) ra khỏi hộp giảm tốc	bộ	5,00		
10	Vệ sinh, kiểm tra toàn bộ bên trong, bên ngoài hộp giảm tốc; vệ sinh, kiểm tra tình trạng các vòng bi, bánh răng truyền động	công	5,00		
11	Lắp đặt vòng bi cho trục bánh răng cấp 1 mới	vòng	2,00		
12	Tháo vòng bi trên trục số 2	vòng	2,00		
13	Tháo bánh răng cấp 1 cũ trên trục số 2	cái	1,00		
14	Lắp đặt bánh răng cấp 1 mới vào trục số 2	cái	1,00		
15	Lắp đặt vòng bi mới cho trục số 2	vòng	2,00		
16	Lắp đặt trục bánh răng (bao gồm trục, bánh răng, vòng bi) vào hộp giảm tốc và căn chỉnh (yêu cầu dùng bột màu thử tiếp xúc giữa các bánh răng)	bộ	5,00		
17	Thay phốt cổ trục đầu vào, đầu ra hộp giảm tốc	cái	2,00		
18	Lắp đặt hộp giảm tốc	tấn	2,13		
19	Lắp đặt cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
20	Lắp đặt khớp nối cứng từ hộp giảm tốc sang khớp thủy lực	bộ	1,00		
21	Lắp đặt động cơ, khớp nối thủy lực	tấn	0,35		
22	Lắp chốt khớp nối cứng sang nhông chủ động	công	1,00		
23	Căn chỉnh hệ thống (Chi phí tính trong lắp thiết bị)				
24	Trục chạy thử, bàn giao và đưa vào sử dụng	công	5,00		
E	Gầu 15c.06: Tháo tang chủ động và trục đầu vào hộp giảm tốc phục vụ công tác khôi phục (thực hiện trên sàn Cos +92m thấp trao đổi nhiệt)				
1	Vệ sinh quanh vị trí đảm bảo an toàn trước khi thi công	công	2,00		
2	Tháo nắp bao che tang chủ động, bao che khớp nối cứng, khớp nối thủy lực	tấn	1,00		
3	Tháo cơ cấu giữ đôi trọng	bộ	1,00		
4	Sử dụng palang kéo giữ hệ thống băng, gầu, cụm tang bị động, đôi trọng phục vụ tháo tang chủ động	tấn	13,66		
5	Tháo bu lông, giảm đặt khớp nối cứng	công	1,00		
6	Tháo gối đỡ chủ động	tấn	0,21		
7	Tháo cụm tang chủ động phục vụ công tác khôi phục trục tang	tấn	1,49		
8	Tháo vòng bi tang chủ động	vòng	2,00		
9	Gia công giá đỡ kích tháo khớp nối cứng (Sắt thép Bên A cấp)	tấn	0,10		
10	Tháo khớp nối cứng	tấn	0,31		
11	Tháo cụm động cơ, hộp giảm tốc phục vụ tháo trục đầu vào hộp giảm tốc và thay vòng bi khớp nối thủy lực	tấn	2,13		
12	Tháo khớp nối thủy lực ra khỏi trục	tấn	0,11		
13	Thay vòng bi khớp thủy lực	vòng	2,00		
14	Tháo trục đầu vào hộp giảm tốc	trục	1,00		
15	Tháo vòng bi trục đầu vào hộp giảm tốc	vòng	1,00		
16	Tháo, bảo dưỡng và lắp cơ cấu chống quay ngược	bộ	1,00		
17	Tháo, bảo dưỡng và lắp hộp giảm tốc động cơ phụ	bộ	1,00		

18	Lắp cụm động cơ, hộp giảm tốc phục vụ tháo trục đầu vào hộp giảm tốc và thay vòng bi khớp nối thủy lực	tấn	2,13		
19	Lắp vòng bi tang chủ động	vòng	2,00		
20	Lắp khớp nối cứng	tấn	0,31		
21	Lắp cụm tang chủ động	tấn	1,49		
22	Lắp gối đỡ chủ động	tấn	0,21		
23	Căn chỉnh toàn bộ cụm tang chủ động, động cơ, giảm tốc (Chi phí tính trong lắp thiết bị)				
24	Lắp bu lông, giảm dật khớp nối cứng	công	1,00		
25	Lắp cơ cấu giữ đối trọng	bộ	1,00		
26	Lắp nắp bao che tang chủ động, bao che khớp nối cứng, khớp nối thủy lực	tấn	1,00		
F	Tháp trao đổi nhiệt				
I	Hàn khôi phục các vị trí rách hở ở các Cyclon C1-C5				
1	Tây các mối hàn cũ bị nứt không đảm bảo (thép hàn dây 8mm) tại các Cyclon C1-C5	công	15		
2	Mài sạch bavaria và vết mép tại các vị trí mối hàn	công	10		
3	Hàn khôi phục lại các mối hàn đã được tây ra ở các Cyclon C1-C5	công	20		
II	Sửa chữa khớp giãn nở tại vị trí chữ U (khớp bên dưới nhánh phía nghiêng liệu)				
1	Lắp đặt, tháo dỡ giàn giáo phục vụ sửa chữa khớp giãn nở tại vị trí chữ U (giáo ngoài, chiều cao giáo <15m)	100m2	2		
2	Gia công, sửa chữa, gia cố lại khớp giãn nở đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	công	15		
	Cộng giá trị trước thuế				
	Thuế GTGT 10%				
	Cộng giá trị sau thuế				

Khối lượng nêu trong Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng chỉ là tạm tính, khối lượng thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu.

Phương pháp xác định khối lượng thực tế thi công:

Khối lượng thực tế Bên B thi công được Hai Bên xác định, nghiệm thu dựa trên các tài liệu, căn cứ sau:

+ Về trọng lượng các thiết bị trong dây chuyền: xác định theo hồ sơ thiết kế hoặc bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc cattalo hoặc packinglist nhập khẩu hàng hóa hoặc đo tính toán xác định khối lượng, thể tích trọng lượng hoặc cân thực tế tại hiện trường tùy theo các điều kiện thực tế cho phép áp dụng để xác định khối lượng;

+ Về khối lượng các công tác Biện pháp giàn giáo, giá đỡ biện pháp phục vụ tháo dỡ, lắp đặt được tính toán trên cơ sở bản vẽ hoàn công được Đại diện A- B ký kết hợp với Biên bản bàn giao vật tư sắt thép (đối với các kết cấu gia công vật liệu chính do Bên A cấp) là cơ sở để xác định khối lượng Bên B đã thực hiện.

+ Về số nhân công, ca máy thực tế Bên B đã thực hiện: hai Bên giám sát xác định thực tế số công, số ca máy đã thực hiện (thông qua nhật ký công trình A- B ký);

+ Về các số lượng khác (cái, bộ...) đếm được sẽ nghiệm thu thông qua đếm thực tế;

4.2. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 5. Phương thức thanh, quyết toán:

5.1. Thanh toán:

Hai Bên thống nhất có thể lập Hồ sơ thanh toán trên cơ sở khối lượng Bên B đã hoàn thành từng hạng mục công việc hoặc thanh toán trên cơ sở khối lượng Bên B đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục của Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ thanh toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT, Bên A thanh toán đến 95% giá trị hoàn thành và giữ lại 5% giá trị hoàn thành để bảo hành.

*** Hồ sơ thanh toán gồm:**

+ Biên bản giao, nhận vật tư sắt thép nằm trong danh mục công việc sắt thép A cấp nêu tại Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng; Biên bản trao trả vật tư sắt thép còn thừa sau khi Bên B thực hiện xong công việc và Biên bản bàn giao giá đỡ biện pháp sau khi Bên B hoàn thành công việc được giao (*được thủ kho, kỹ thuật và Đại diện Bên A cùng Bên B ký*).

+ Các Biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu lắp đặt tĩnh, nghiệm thu chạy thử không tải và Biên bản nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng theo qui định nêu tại Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Biểu tính giá trị khối lượng hoàn thành.

5.2. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (*nếu có*), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và lập Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng được A - B ký, Bên A sẽ thanh toán nốt 5% số tiền còn giữ lại bảo hành cho Bên B.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.

5.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 6. Trách nhiệm Các Bên:

6.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Cung cấp cho Bên B các bản vẽ gia công các chi tiết phải gia công, bản vẽ lắp đặt; các tài liệu, yêu cầu kỹ thuật có liên quan; bàn giao mặt bằng, thiết bị cho Bên B trước khi Bên B thực hiện công việc.

b. Cung cấp điểm đấu điện, nước đủ điều kiện để Bên B thi công.

c. Duyệt Biện pháp thi công do Bên B lập.

d. Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh (*nếu có*) và làm các Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

e. Bên A có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng khi Bên B thi công không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Khi đó, Bên A sẽ tự thực hiện hoặc mời Nhà thầu khác vào thực hiện các phần việc còn lại của Hợp đồng. Giá trị phần khối lượng công việc còn lại sẽ do Bên A và Nhà thầu được mời vào thực hiện thống nhất. Nếu giá trị công việc Bên A thuê nhà thầu khác cao hơn giá trị tính theo đơn giá của Hợp đồng thì Bên B phải bồi thường phần giá trị chênh lệch.

f. Thanh, quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng.

6.2. Trách nhiệm Bên B:

- a. Lập Biện pháp thi công trình Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.
- b. Tổ chức thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, thiết bị trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu để xảy ra mất an toàn lao động phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thi công, nếu Bên B làm mất hoặc hư hỏng tài sản của Bên A (*xác nhận nguyên nhân gây hư hỏng, mất mát do lỗi của Bên B*) thì Bên B phải đền bù 100% giá trị tài sản bị mất hoặc bị thiệt hại do hư hỏng theo giá trị tại thời điểm.
- c. Cung cấp toàn bộ vật tư chính (đối với việc gia công các sym chèn), vật tư phụ, nhân công, máy thi công và các chi phí khác có liên quan để hoàn thành công việc được giao.
- d. Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên A, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Nếu Bên B vi phạm phải khắc phục, bồi thường các thiệt hại có liên quan và bị xử phạt theo nội quy hiện hành của Bên A và của Pháp luật.
- e. Hoàn thành toàn bộ công việc được giao nêu tại Điều 1; đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật nêu tại Điều 2 và tiến độ nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.
- f. Bảo hành chất lượng công việc sửa chữa thiết bị theo Điều 8 của Hợp đồng.
- g. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 7. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

7.1. Phạt do vi phạm Hợp đồng:

Trường hợp Bên B hoàn thành công việc chậm so với qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm và thời gian chậm không quá 02 ngày. Nếu Bên B chậm quá 02 ngày, Bên A có quyền dừng thi công và mời Nhà thầu khác vào thực hiện hoặc tự thực hiện. Nếu giá trị phần công việc do Bên A thuê Nhà thầu khác thực hiện lớn hơn giá trị tính theo đơn giá trong Hợp đồng này thì Bên B phải bồi thường trả cho Bên A phần giá trị phần chênh lệch đó, khi Hai Bên quyết toán Hợp đồng, ngoài ra, B còn phải bồi thường các thiệt hại khác do việc thi công chậm tiến độ theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng.

7.2. Bồi thường thiệt hại:

Ngoài việc Bên B phải bồi thường thiệt hại do Bên B thi công chậm quá thời gian qui định, dẫn đến Bên A phải thuê Nhà thầu khác với giá cao hơn như nêu tại Khoản 7.1 – Điều 7 của Hợp đồng nêu trên, thì khi Bên A bị thiệt hại do Bên B thi công chậm quá thời gian qui định, hoặc khi Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong thời gian bảo hành theo qui định....làm ảnh hưởng đến sản xuất và gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B còn phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại Bên B gây ra và sẽ do Hai Bên thỏa thuận.

Điều 8. Bảo hành:

8.1. Bảo hành chất lượng công tác sửa chữa trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày thiết bị được đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B thì sau khi nhận được thông báo của Bên A, chậm nhất không quá 02 ngày, Bên B bằng kinh phí của mình phải sửa chữa, khắc phục kịp thời, không làm ảnh hưởng đến sản

xuất của Bên A. Thời gian khắc phục, sửa chữa Hai Bên sẽ cùng xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của thiết bị, nhưng không chậm hơn 05 ngày, kể từ ngày tiến hành khắc phục, sửa chữa.

8.2. Nếu sau 02 ngày, kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành khắc phục, sửa chữa thì Bên A sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành. Nếu số tiền giữ lại bảo hành không đủ, Bên B phải chi trả cho Bên A..

Điều 9. Điều khoản chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

9.2. Hai Bên không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng này; Bên B không được giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ, tên
Chức vụ

